

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 12 – 2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1981.

2. *Bị đơn:* Đỗ Duy H, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H, ông H đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: bà và ông Đỗ Duy H tiến hành hôn nhân từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Đỗ Quốc B, sinh năm 2000. Do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn tình cảm được, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với ông H.
- + Về con chung: đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung, nợ chung: không có.
- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đỗ Duy H thống nhất về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo lời khai của nguyên đơn. Còn đối với yêu cầu thì:
 - + Về tình cảm: đồng ý ly hôn với bà H.
 - + Về con chung: đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết.
 - + Về tài sản chung, nợ chung: không có.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà H và ông H không phải là vợ chồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Tam Nông là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên – bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên – bị đơn thống nhất về tình trạng hôn nhân là chung sống từ năm 1999 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn và có 01 con chung Đỗ Quốc B đã trưởng thành; tài sản chung; nợ chung: không có. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Tại phiên tòa, bà H và ông H đồng ý ly hôn, nhưng do quan hệ hôn nhân giữa ông, bà không có đăng ký kết hôn là không phù hợp pháp luật, nay có tranh chấp thì sẽ được bị tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[5] Từ những nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà H là nguyên đơn khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Đỗ Duy H là vợ chồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0010418 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Nông. Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Trí Viễn